

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 5 - 2023.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.

2. Ông Lê Minh Thật.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 2001 (vắng mặt).

HKTT: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Th, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Tr trình bày:

Vào năm 2020, chị Nguyễn Huyền Tr và anh Lê Văn Th do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 23/9/2020, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh Th không quan tâm, chăm sóc chị Tr. Ngoài ra, về vấn đề kinh tế gia đình anh chị cũng không thống nhất. Trong quá trình chung sống không tích lũy được kinh tế, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 09/2022 cho đến nay. Vì vậy, chị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 14 chỉ vàng 24k loại 9999 là vàng cưới. Tài sản này hiện nay do bà Nguyễn Thị T (mẹ chồng) quản lý. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu chia đôi số tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Các vấn đề còn lại chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu. Tại phiên tòa, chị Tr vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Tr không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Th trình bày:

Anh Thường thống nhất với lời trình bày của chị Tr về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính chất công việc nên anh Th có giao lưu với bạn bè nhưng chị Tr không tôn trọng anh, nhiều lần gọi điện xúc phạm anh trước mặt bạn bè. Chị Tr cũng có thái độ không tôn trọng cha mẹ anh Th. Nay chị Tr xin ly hôn thì anh Th cũng đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi cưới gia đình anh Th có cho 12 chỉ vàng 24K loại 9999. Số vàng này vợ chồng đã bán để trả nợ hết 09 chỉ và 03 chỉ bán để anh Th mua điện thoại mới vì trong lúc cự cãi với chị Tr có làm hư 01 điện thoại. Trong thời gian chung sống anh chị có mua được 02 chỉ vàng 24K loại 9999 và 05 chỉ vàng

18K. Số vàng này chị Tr đang quản lý. Khi ly hôn anh Th yêu cầu chi đôi số tài sản chung mà chị Tr đang quản lý.

Về nợ chung: Trong thời gian dịch bệnh anh Th có mượn của chị Lê Thị L (chị ruột của anh Thường) 5.000.000 đồng và anh Lê Văn Đ (anh ruột của anh Thường) 5.000.000 đồng để vợ chồng ăn uống và sinh sống. Số tiền này là anh, chị của anh Th chuyển khoảng cho anh. Một thời gian sau, do làm ăn thua lỗ nên anh Th có mượn của anh Lê Văn Đ thêm số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền này anh Đ chuyển khoản cho anh Th. Các khoản nợ này anh Th đã bán 09 chỉ vàng 24K loại 9999 để trả hết nợ, nên đến thời điểm giải quyết không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Các vấn đề còn lại anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu. Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Th không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước khi anh Th và chị Tr bà đi làm thuê thì bà có giữ giùm cho anh Th và chị Tr là 12 chỉ vàng 24K loại 9999. Sau khi đi làm được một thời gian thì bà có gửi lại cho anh Th toàn bộ số vàng nêu trên. Hiện tại, bà không còn giữ số vàng nào của anh Th và chị Tr. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Tr khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Lê Văn Th. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn Lê Văn Th có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Tr, bị đơn Lê Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Tr, anh Th và bà T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Huyền Tr và bị đơn Lê Văn Th có đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Tr và anh Th.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Th tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Tr và anh Th được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Tr và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Tr cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, chị Tr không thể tiếp tục sống chung với anh Th được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị Tr và anh Th để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr vẫn cương quyết ly hôn và anh Th cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Tr và anh Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Tr và anh Th khai có tài sản chung. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh Th đã tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ yêu cầu của chị Tr và anh Th.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Tr và anh Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã nộp xong.

[3.2]. Về án phí chia tài sản chung: Chị Tr và anh Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Huyền Tr và anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Chị Tr và anh Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Tr và anh Th. Chị Tr và anh Th được quyền khởi kiện lại theo thủ tục chung.

4. Về nợ chung: Chị Tr và anh Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Tr phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo lai thu số 0006716 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Tr được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006717 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang. Bị đơn anh Lê Văn Th được nhận lại 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006747 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang

6. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần